

UBND XÃ ỨNG HÒA

CÂN ĐỐI THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ 03 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1291 /QĐ-UBND ngày 08 /4/2026 của UBND xã Ứng Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Phần thu	Thu NS xã	Phần chi	Chi NS xã
Tổng số thu		Tổng số chi	
A. Tổng số thu cân đối ngân sách	293,120	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	224,880
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	4,756	1. Chi đầu tư phát triển	123,029
2. Các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	7,207	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính		3. Chi thường xuyên	101,851
4. Thu kết dư năm trước		4. Chi viện trợ	
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	20,157	5. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ	
6. Thu viện trợ		6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	261,000	7. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	84,581	8. Chi chuyển nguồn sang năm sau	
- Bổ sung có mục tiêu	176,419	9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước	
- Kết dư ngân sách = (thu - chi)	68,241	10. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bội chi = chi - thu ¹			
B. Vay của ngân sách cấp tỉnh¹ (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)		B. Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)¹	

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1291 /QĐ-UBND ngày 08 /4/2026 của UBND xã Ứng Hòa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG THU	Dự toán Thành phố giao năm 2026	Dự toán xã, phường giao năm 2026	3 Tháng					Ghi chú
				Dự toán xã, phường giao	Thực hiện	So sánh			
						Thực hiện/DT Thành phố giao năm 2026	Thực hiện/DT xã, phường giao năm 2026	Thực hiện/DT xã, phường giao	
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn (1+2+...+12)	113,930	113,930	16,572	112,743	99%	99%	680%	-
1	Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	17,870	17,870	3,370	2,156	12%	12%	64%	
2	Lệ phí trước bạ	22,960	22,960	5,300	3,434	15%	15%	65%	
3	Thuế bảo vệ môi trường		-						
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-						
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	670	670		36	5%	5%		
6	Thuế thu nhập cá nhân	7,000	7,000	2,100	611	9%	9%	29%	
	Trong đó:								
	- Thuế thu nhập cá nhân do Thuế cơ sở quản lý thu	7,000	7,000	2,100	611	9%	9%	29%	
7	Thu phí, lệ phí	3,990	3,990	998	62	2%	2%	6%	
	Trong đó:								
	- Khoản phí, lệ phí do xã, phường quản lý, thực hiện thu	314	314	74.00	61.7	20%	20%	83%	
8	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	140	140	140	12				
	- Số thu 01 lần	140	140	140	12				
	- Số thu trả tiền hàng năm khu vực DN có vốn ĐTNN								
	- Số thu trả tiền hàng năm khu vực còn lại								
9	Tiền sử dụng đất	43,600	43,600	500	4,440	10%	10%	888%	
-	Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất giao cho cá nhân, hộ gia đình	41,600	41,600						
-	Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các tổ chức, doanh nghiệp								
-	Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất								
-	Thu tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT								
-	Thu khác	2,000	2,000	500	4,440	222%	222%	888%	
10	Tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất								
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	7,000	7,000	1,489	862	12%	12%	58%	
12	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật	10,700	10,700	2,675	352	3%	3%	13%	

